

sử dụng vaccin so với nhóm trẻ không được sử dụng vaccin phòng rotavirus. Tất cả các trẻ được điều trị khỏi bệnh, không có bệnh nhân nào tử vong.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. **Troeger, Christopher, et al.** "Estimates of the global, regional, and national morbidity, mortality, and aetiologies of diarrhoea in 195 countries: a systematic analysis for the Global Burden of Disease Study 2016." *The Lancet Infectious Diseases* 18.11 (2018): 1211-1228.

2. **Cairncross, S, Hunt, C., Boisson, S., Bostoen, K., Curtis, V., Fung, I. C., & Schmidt, W. P.** (2010). "Water, sanitation and hygiene for the prevention of diarrhoea." *International Journal of Epidemiology*, 39 (suppl-1), i193-i205.

3. **Nguyễn Gia Khánh, Ngô Thị Thi, Nguyễn Thị Hiền Thanh, Nguyễn Thị Việt Hà** (2000), "Đặc điểm lâm sàng của tiêu chảy cấp do Rotavirus ở trẻ em dưới 5 tuổi tại Bệnh viện Nhi Trung ương", Tr.246-249.

4. **Nguyễn Thị Thu Cúc và cộng sự** (2013), "Nghiên cứu đặc điểm lâm sàng và cận lâm sàng bệnh tiêu chảy cấp do Rotavirus ở trẻ em tại Khoa Truyền nhiễm, Bệnh viện Nhi đồng Cần Thơ". Đề tài Nghiên cứu Khoa học Công nghệ cấp trường.

5. **Nguyễn Thị Hải Yến** (2006), "Khảo sát tình hình nhiễm Rotavirus trên bệnh nhân tiêu chảy cấp tại Bệnh viện Nhi đồng Cần Thơ bằng kỹ thuật ly trích, điện di RNA", Luận văn Thạc sĩ Y khoa.

6. **Nguyễn Văn Tuấn** (2016), "Nghiên cứu đặc điểm lâm sàng, cận lâm sàng, kết quả điều trị và

yếu tố nguy cơ của bệnh tiêu chảy cấp do rotavirus ở trẻ em dưới 5 tuổi tại Khoa Nhiễm, Bệnh viện Nhi đồng Cần Thơ năm 2015 - 2016", Luận văn Thạc sĩ Đa khoa.

7. **Hoàng Trọng Quý** (2007), "Nghiên cứu tiêu chảy cấp do Rotavirus ở trẻ dưới 24 tháng tuổi vào điều trị tại Khoa Nhi, Bệnh viện Trung ương Huế," Luận văn Thạc sĩ Y học.

8. **Đặng Đức Anh, Lê Thị Luân và cộng sự** (2003), "Tình hình bệnh tiêu chảy cấp do Rotavirus ở trẻ em dưới 5 tuổi vào 5 bệnh viện năm 2002", *Tạp chí Y học Dự phòng*. 13(5), 11-14.

9. **Manish M. Patel, et al** (2013), "Global Seasonality of Rotavirus Disease", *Pediatr Infect Dis J*. 2013 Apr; 32(4): e134–e147.

10. **Cook SM, Glass RI, LeBaron CW, Ho MS.** "Global seasonality of rotavirus infections". *Bull World Health Organ*. 1990;68:171–177.

11. **Uhnou I, et al.** "Clinical features of acute gastroenteritis associated with rotavirus, enteric adenoviruses, and bacteria". *Arch Dis Child*. 1986;61:732–738.

12. **Trung Vu Nguyen** (2004), "Diarrhea Caused by Rotavirus in Children Less than 5 Years of Age in Hanoi, Vietnam", *J Clin Microbiol*. 2004 Dec; 42(12): 5745–5750.

13. **Lamberti, Laura M, et al** (2016), "A Systematic Review of the Effect of Rotavirus Vaccination on Diarrhea Outcomes Among Children Younger Than 5 Years", *The Pediatric Infectious Disease Journal*, Volume 35, Number 9, September 2016, pp. 992-998(7).

SỰ HÀI LÒNG CỦA CHA MẸ VỀ HÌNH THỨC TRUYỀN THÔNG PHÒNG CHỐNG TẬT KHÚC XẠ CHO HỌC SINH TIỂU HỌC TẠI THÀNH PHỐ VINH, NGHỆ AN

NGUYỄN HỮU LÊ¹,
BÙI THỊ THU HÀ², VŨ THỊ HOÀNG LAN²
¹Bệnh viện Mắt Nghệ An
²Trường Đại học Y tế Công cộng

TÓM TẮT

Tật khúc xạ là một nguyên nhân quan trọng gây suy giảm thị lực và mù lòa, nhưng có thể phòng tránh được. Nghiên cứu này được tiến

hành nhằm mục đích đánh giá mức độ hài lòng của cha/mẹ học sinh tham gia nghiên cứu về các hình thức can thiệp truyền thông phòng chống tật khúc xạ cho học sinh tại trường tiểu học nhận can thiệp tại thành phố Vinh, Nghệ An. Thiết kế nghiên cứu can thiệp có đối chứng, kết hợp điều tra định tính và định lượng, tiến hành trên đối tượng là cha/mẹ của học sinh lớp 1, giáo viên chủ nhiệm lớp và cán bộ trung tâm kiểm soát bệnh tật Thành phố Vinh. Nghiên cứu cho thấy 89,2% số cha/mẹ học sinh được hỏi hài lòng với các phương pháp truyền thông đã được

Chịu trách nhiệm: Nguyễn Hữu Lê
Email: lebvma@gmail.com
Ngày nhận: 22/12/2020
Ngày phản biện: 19/01/2021
Ngày duyệt bài: 08/02/2021

triển khai trong thời gian can thiệp. Trong đó, hình thức phát tờ rơi, sách nhỏ có tỷ lệ cha/mẹ hài lòng nhiều nhất với 91,8%, tiếp đó là hình thức truyền thông trực tiếp với 82,3% và thấp nhất là hình thức gửi tin nhắn qua điện thoại (67,9%). Cần điều chỉnh và áp dụng phối hợp các hình thức truyền thông để nâng cao hiệu quả can thiệp giúp phòng chống các tật khúc xạ cho học sinh.

Từ khóa: Tật khúc xạ, cha mẹ, hài lòng, hình thức truyền thông.

SUMMARY

PARENT'S SATISFACTION ON HEALTH COMMUNICATIONS TYPES TO PREVENT REFRACTIVE ERRORS IN PRIMARY SCHOOL STUDENTS, VINH CITY, NGHE AN PROVINCE

Refractive error is important causes of vision impairment and blindness, but it can be prevented. This study was conducted to evaluate the satisfaction of participants on types of health communication intervention to prevent refractive errors for students at the primary school receiving intervention in Vinh City, Nghe An province. A controlled intervention study was conducted, combining qualitative and quantitative methods, on parents of first-grade students, a homeroom teacher and a Vinh City's Center for Disease Control medical staff. The study showed that the percentage of parents satisfied with the types of health communication intervention was 89.2%. In particular, handing out leaflets and pamphlets had the highest satisfaction rate with 91.8%, followed by direct communication with 82.3% and the lowest was the sending text messages via telephone (67.9%). It is very necessary to adjust and apply a combination of health communication intervention types. This helps to improve the effectiveness of interventions to prevent refractive errors for students.

Keywords: Refractive errors, parents, satisfaction, types of health communication.

ĐẶT VẤN ĐỀ

Tật khúc xạ chưa được chỉnh kính là một nguyên nhân quan trọng của sự suy giảm thị lực, mù lòa và tàn tật có thể phòng tránh được, đặc biệt là ở những nước đang phát. Tật khúc xạ đã và đang nổi lên trở thành một trong những vấn đề ảnh hưởng trực tiếp đến sức khỏe, học tập và tương lai của các em học sinh [1],[2],[3]. Việt Nam được xem là một trong những nước có tỷ lệ tật khúc xạ rất cao [4],[5]. Trẻ em trong độ tuổi từ 6 đến 15 tuổi có tỉ lệ mắc tật khúc xạ từ 10% đến 40%, tập trung chủ yếu ở các khu vực thành thị [6]. Cho đến nay, các nghiên cứu

tập trung chủ yếu vào việc đánh giá và can thiệp nhằm thay đổi kiến thức, thái độ và thực hành phòng chống tật khúc xạ cho đối tượng trực tiếp bị ảnh hưởng bởi tật khúc xạ là học sinh. Trong đó, hình thức can thiệp truyền thông được sử dụng khá phổ biến trong các nghiên cứu [7],[8],[9],[10],[11]. Tuy nhiên, chưa có nhiều nghiên cứu can thiệp áp dụng cho đối tượng cha/mẹ học sinh. Đặc biệt là các nghiên cứu đánh giá mức độ hài lòng của cha/mẹ học sinh về các hình thức can thiệp truyền thông nhằm phòng chống tật khúc xạ cho trẻ. Chính vì vậy, nghiên cứu này được tiến hành nhằm mục đích đánh giá mức độ hài lòng của cha/mẹ học sinh về các hình thức can thiệp truyền thông phòng chống tật khúc xạ cho học sinh tại hai trường tiểu học tại thành phố Vinh, Nghệ An, để từ đó điều chỉnh mô hình can thiệp phù hợp nhằm nâng cao kiến thức và thực hành cho cha mẹ trong việc hạn chế tật khúc xạ cho con em mình.

ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

1. Đối tượng nghiên cứu

1.1. Nghiên cứu định lượng

Cha/mẹ của những trẻ là học sinh lớp 1 đang theo học tại hai trường tiểu học ở Nghệ An, đáp ứng các tiêu chuẩn: hiện đang sống cùng và trực tiếp chăm sóc các trẻ (với thời gian tối thiểu trên 1 tháng), đủ tỉnh táo, có khả năng đọc, hiểu tại thời điểm tham gia nghiên cứu và đồng ý tự nguyện tham gia nghiên cứu.

1.2. Nghiên cứu định tính

Cha/mẹ của những trẻ là học sinh lớp 1 đáp ứng tiêu chuẩn từ nghiên cứu định lượng.

Giáo viên chủ nhiệm lớp 1

Cán bộ Trung tâm Kiểm soát Bệnh tật Thành phố Vinh, Nghệ An phụ trách sức khỏe môi trường và y tế trường học.

2. Phương pháp nghiên cứu

2.1. Thiết kế nghiên cứu: Nghiên cứu can thiệp có đối chứng.

Phương pháp nghiên cứu kết hợp, sử dụng cách tiếp cận định lượng kết hợp định tính được dùng nhằm thu thập các thông tin chi tiết phục vụ các mục tiêu nghiên cứu.

2.2. Địa điểm nghiên cứu: Trường Tiểu học Hà Huy Tập II (trường nhận can thiệp) và Trường tiểu học Lê Lợi (trường đối chứng), thành phố Vinh, Nghệ An.

2.3. Cơ mẫu và chọn mẫu

2.3.1. Phân định lượng

Chọn chủ đích là Trường Tiểu học Hà Huy Tập II và Lê Lợi tại thành phố Vinh, Nghệ An tham gia nghiên cứu. Sau đó chọn toàn bộ các cha/mẹ của học sinh lớp 1 ở hai trường thỏa mãn

tiêu chuẩn lựa chọn và loại trừ tham gia vào nghiên cứu. Thực tế nhóm đã thu thập được 663 phiếu đảm bảo chất lượng để phân tích ở 2 trường, trong đó số phiếu ở Trường Hà Huy Tập II và Lê Lợi lần lượt là 360 và 303 phiếu.

2.3.2. Phân định tính

Các đối tượng tham gia phỏng vấn sâu được lựa chọn có chủ đích dựa trên cơ sở tự nguyện tham gia. Sau can thiệp, nghiên cứu đã thực hiện được 5 cuộc phỏng vấn sâu cha/mẹ học sinh, 1 phỏng vấn sâu giáo viên chủ nhiệm lớp 1 và 1 phỏng vấn sâu lãnh đạo trung tâm kiểm soát bệnh tật thành phố Vinh phụ trách Sức khỏe môi trường và y tế trường học.

3. Xử lý số liệu

Số liệu được làm sạch, mã hóa và nhập vào phần mềm EpiData 3.1. Số liệu được phân tích trên phần mềm SPSS 22. Kết quả nghiên cứu được trình bày dưới dạng bảng biểu thị tần số, tỷ lệ phần trăm theo từng biến.

4. Đạo đức nghiên cứu

Đề cương nghiên cứu được Hội đồng Đạo đức Trường Đại học Y tế Công cộng thông qua theo Quyết định số 415/2019/YTCC-HD3 cấp ngày 06/8/2019. Các thông tin thu thập được từ các đối tượng được mã hóa và chỉ phục vụ cho mục đích nghiên cứu.

KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

Hầu hết những người tham gia nghiên cứu đều là mẹ học sinh và có trình độ học vấn là trung cấp/cao đẳng/đại học. Có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê về trình độ học vấn của đối tượng nghiên cứu ở hai nhóm ($p < 0,05$). Về nghề nghiệp, đa số cha/mẹ học sinh ở hai nhóm chúng và nhóm can thiệp là cán bộ công nhân viên chức (58,5% và 64,7%).

Bảng 1. Các hình thức truyền thông mà cha/mẹ học sinh muốn nhận thông tin về phòng chống tật khúc xạ

Hình thức	Tần số (n = 663)	Tỷ lệ (%)
Truyền thông trực tiếp	572	86,3
Tần suất		
1 lần/tháng	80	14,0
1 lần/2-3 tháng	81	14,2
Mỗi học kỳ một lần	402	70,3
Khác	9	1,6
Tờ rơi, sách nhỏ	582	87,8
Tin nhắn điện thoại	479	72,3

87,8% số cha/mẹ tham gia nghiên cứu mong muốn nhận được tờ rơi, sách nhỏ về phòng chống tật khúc xạ cho con. 86,3% người tham gia mong muốn được nhận thông tin qua hình thức truyền thông trực tiếp, với tần suất mỗi học

kỳ một lần (70,3%) và 72,3% cha/mẹ muốn nhận thông tin qua tin nhắn điện thoại.

Kết quả nghiên cứu định tính cũng cho thấy truyền thông trực tiếp, phát tờ rơi, sách nhỏ và tin nhắn điện thoại là những hình thức truyền thông phổ biến mà cha/mẹ học sinh mong muốn nhận thông tin về phòng chống tật khúc xạ cho trẻ.

“Nếu được tham gia những buổi nói chuyện với cán bộ y tế là dễ nhất, có gì thì hỏi và trao đổi ngay nhưng thực ra cũng khó bố trí. Theo tôi thì kết hợp, cả trực tiếp có thể chỉ cần 1-2 lần thôi còn lại thì gửi thông tin qua tin nhắn để thi thoảng nhắc nhở” (cha/mẹ học sinh).

“Tôi thì lựa chọn tin nhắn và tờ rơi, vừa là lưu lại được, vừa đọc cho con, trẻ con nó còn nhắc cả bố mẹ đọc nếu mang từ trường về” (cha/mẹ học sinh).

“Tin nhắn còn dễ hơn. Phụ huynh có thể đọc ở bất cứ nơi nào... mấy tin nhắn thì thấy tin nhắn cái bật ngay. Có thể ngồi bất cứ lúc nào rảnh rỗi mở ra đọc. Những cái thông tin mà nhắn tin sẽ hay hơn (cha/mẹ học sinh).

Bảng 2. Đánh giá chung của cha/mẹ học sinh ở nhóm can thiệp về các hình thức truyền thông

Mức độ hài lòng	Số lượng (n)	Tỷ lệ (%)
Hài lòng	224	89,2
Không hài lòng	27	10,8
Tổng	251	100

Có 251 trên tổng số 360 đối tượng nghiên cứu đã đưa ra đánh giá về các hình thức can thiệp (chiếm 69,7%).

Trong số các đối tượng phản hồi, đa số cha/mẹ học sinh hài lòng với các phương pháp đã được triển khai trong thời gian can thiệp (89,2%). Tuy nhiên, vẫn còn 10,8% cha/mẹ học sinh chưa hài lòng với các hình thức can thiệp mà nghiên cứu đã triển khai.

Bảng 3. Mức độ hài lòng của cha/mẹ học sinh ở nhóm can thiệp với một số hình thức truyền thông

Phương pháp	Mức độ hài lòng		Tổng n (%)
	Hài lòng n (%)	Không hài lòng n (%)	
Gửi tin nhắn điện thoại (n = 280)	190 (67,9)	90 (32,1)	280 (100)
Phát tờ rơi, sách nhỏ (n = 257)	236 (91,8)	21 (8,7)	257 (100)
Truyền thông trực tiếp (n = 249)	205 (82,3)	44 (17,7)	249 (100)

Đa số cha/mẹ học sinh tham gia phản hồi hài lòng với các hình thức truyền thông về phòng chống tật khúc xạ cho trẻ. Trong đó, hình thức phát tờ rơi, sách nhỏ có tỷ lệ cha/mẹ hài lòng nhiều nhất với 91,8%, tiếp đó là hình thức

truyền thông trực tiếp với 82,3% và thấp nhất là hình thức gửi tin nhắn qua điện thoại (67,9%).

“Ưu điểm của sách nhỏ thì nội dung của nó cũng ngắn gọn, dễ hiểu cho phụ huynh. Phụ huynh có thể bỏ túi, để những lúc rảnh rỗi thì có thể lấy ra xem được ấy” (cha/mẹ học sinh).

Đối với em là hình thức truyền thông trực tiếp cho phụ huynh là hiệu quả nhất... truyền thông trực tiếp với cuốn sách nhỏ đó thì không những phụ huynh đọc được mà các cháu cũng có thể đọc qua nữa (cha/mẹ học sinh).

“Em thấy cách truyền thông trực tiếp rất là hiệu quả.” (cha/mẹ học sinh).

“Và nói trực tiếp như thế thì bọn em có điều gì không hiểu hay thắc mắc về các định nghĩa thì bọn em có thể hỏi trực tiếp lại luôn nên cũng dễ hiểu hơn ạ” (cha/mẹ học sinh).

Một số cha/mẹ khác cho rằng hình thức truyền thông gửi tin nhắn qua điện thoại có nhiều ưu điểm hơn và mong muốn nhận được thông tin về phòng chống tật khúc xạ cho trẻ qua tin nhắn điện thoại.

“Các phương pháp truyền thông đều có ưu, nhược điểm riêng nhưng em vẫn thích tin nhắn hơn. Vì tin nhắn giữ được lâu dài tức là không dễ bị mất, sau này mình muốn xem lại vẫn xem được và không ảnh hưởng đến thời gian của mình” (cha/mẹ học sinh).

“Theo tôi để mà thuận tiện khi làm việc với phụ huynh đặc biệt là làm việc qua điện thoại nhiều thì tôi mong muốn tốt nhất là nhận qua tin nhắn thôi” (cha/mẹ học sinh).

BÀN LUẬN

Đến nay, tật khúc xạ vẫn đang là một trong những vấn đề của cuộc sống hiện đại không chỉ ảnh hưởng trực tiếp đến thị lực, công việc học tập và chất lượng cuộc sống mà còn là rào cản trong cuộc sống của nhiều học sinh. Theo hiểu biết của chúng tôi, đây là một trong những nghiên cứu đầu tiên đánh giá sự hài lòng của cha/mẹ học sinh về các hình thức can thiệp truyền thông nhằm phòng chống tật khúc xạ cho trẻ. Kết quả nghiên cứu cho thấy, truyền thông trực tiếp, phát tờ rơi, sách nhỏ và tin nhắn điện thoại là những hình thức truyền thông phổ biến mà cha/mẹ học sinh mong muốn nhận thông tin về phòng chống tật khúc xạ. Đồng thời, đa số đối tượng tham gia nghiên cứu hài lòng với các hình thức truyền thông mà chương trình can thiệp đã áp dụng. Điều này có ý nghĩa vô cùng quan trọng trong việc triển khai các kế hoạch can thiệp tiếp theo nhằm hạn chế tỷ lệ trẻ mắc tật khúc xạ ở hai trường tiểu học nói riêng và trên địa bàn thành phố Vinh nói chung.

Phòng chống tật khúc xạ cho trẻ nên được

thực hiện càng sớm càng tốt nên nghiên cứu đã hướng đến đối tượng là các em học sinh lớp 1. Tuy nhiên, vì một số lý do, việc áp dụng các can thiệp truyền thông trên đối tượng này chưa đạt được kết quả khả quan, một nghiên cứu ở Trung Quốc đã chỉ ra kết quả tương tự rằng việc áp dụng truyền thông giáo dục trên đối tượng học sinh về phòng chống tật khúc xạ cho kết quả chưa tích cực [12]. Đại diện cán bộ Trung tâm Kiểm soát Bệnh tật Thành phố Vinh cũng cho rằng *“Can thiệp trực tiếp đến giáo viên thì không thể hiệu quả trực tiếp cha mẹ học sinh được vì khi chúng ta làm đối tượng cha mẹ học sinh để người ta cập nhật được kiến thức thay đổi kiến thức đến lúc về nhà thay đổi hành vi cho chính con cái mình, gia đình mình”*. Vì vậy, nghiên cứu đã tiến hành can thiệp trên đối tượng là cha/mẹ của các học sinh lớp 1. Các chiến lược truyền thông được sử dụng trong can thiệp đều dựa trên kinh nghiệm của một số chương trình can thiệp phòng chống tật khúc xạ, như vậy sẽ đảm bảo được nội dung truyền tải sát hợp nhất với đối tượng nghiên cứu [7],[8],[13]. Kết quả nghiên cứu đã chỉ ra kết quả khả quan rằng, có 89,2% số cha/mẹ được hỏi hài lòng với các hình thức truyền thông của nghiên cứu, và vẫn còn 10,8% số đối tượng nghiên cứu chưa hài lòng với các hình thức truyền thông của nghiên cứu. Điều này gợi ý nghiên cứu cần tìm hiểu xem cha/mẹ học sinh chưa hài lòng ở điểm nào để có kế hoạch điều chỉnh, góp phần nâng cao hiệu quả can thiệp.

Đa số đối tượng nghiên cứu được hỏi muốn nhận được tờ rơi, sách nhỏ về phòng chống tật khúc xạ cho con (87,8%) vì những ưu điểm như *“bất mất” (cha/mẹ học sinh 4)*, *“có hình ảnh minh họa, rồi có các dấu hiệu để phụ huynh nắm bắt được”*, *“nội dung của nó cũng ngắn gọn, dễ hiểu cho phụ huynh. Phụ huynh có thể bỏ túi, để những lúc rảnh rỗi thì có thể lấy ra xem được” (cha/mẹ học sinh 2)*. 91,8% số cha/mẹ được hỏi hài lòng với hình thức truyền thông phát tờ rơi, sách nhỏ của chương trình. Nhiều cha/mẹ cho rằng, nội dung trong tờ rơi, sách mỏng rất ngắn gọn, súc tích, có hình minh họa dễ hiểu nên truyền tải được nhiều thông tin. Vì vậy, họ mong muốn nhận được thông tin qua hình thức truyền thông này, đồng thời họ cũng rất hài lòng với hình thức phát tờ rơi, sách nhỏ.

Bên cạnh đó, hình thức truyền thông trực tiếp (86,3%) cũng được đối tượng tham gia ưu tiên lựa chọn để nhận các thông tin về phòng chống tật khúc xạ. Vì nhiều cha/mẹ cho rằng *“Đối với em là hình thức truyền thông trực tiếp cho phụ huynh là hiệu quả nhất.” (cha/mẹ học sinh 2)*,

“và nói trực tiếp như thế thì bọn em có điều gì không hiểu hay thắc mắc về các định nghĩa thì bọn em có thể hỏi trực tiếp lại luôn nên cũng dễ hiểu hơn ạ” (cha/mẹ học sinh 4). Có thể đây là một trong những lý do khiến cha/mẹ học sinh hài lòng về hình thức truyền thông trực tiếp này. Có tới 82,3% số đối tượng phản hồi hài lòng với hình thức truyền thông trực tiếp. Các đối tượng tham gia nghiên cứu có sự khác nhau về trình độ học vấn ($p < 0,05$), do vậy việc hiểu ý nghĩa các thông điệp cũng có thể khác nhau. Truyền thông trực tiếp đã phần nào khẳng định được vai trò của mình là làm hạn chế được việc hiểu không đúng nội dung thông tin truyền đạt.

So với các hình thức can thiệp truyền thông truyền thống, nghiên cứu của chúng tôi có áp dụng thêm hình thức truyền thông qua việc gửi tin nhắn chứa nội dung truyền thông tới điện thoại của cha/mẹ học sinh tham gia nghiên cứu. Hình thức này cũng nhận được sự hưởng ứng nhiệt tình từ phía đối tượng nghiên cứu. 72,3% số người được hỏi mong muốn nhận được thông tin qua tin nhắn điện thoại. Tuy nhiên, đây là hình thức tương đối mới trong chương trình can thiệp. Thêm vào đó, nhiều phụ huynh cho rằng phương pháp này chỉ có hiệu quả trong thời gian đầu, “còn thời gian sau thì em cũng sao nhãng đọc hơn, mình thấy rồi cũng lướt qua” (cha/mẹ học sinh 1), “nhiều khi tin nhắn thì cũng ...không để lại dấu ấn lắm” (cha/mẹ học sinh 2), hoặc một số khác thì cho rằng họ có thể làm tường tin nhắn của chương trình là tin nhắn rác nên đã bỏ qua. Đôi khi họ còn phản nản rằng họ nhận được quá nhiều tin nhắn, “Thực ra cái thời gian đầu thì em thấy nhận nhiều lắm...Em thấy nó cũng nên thì thoảng thôi” (cha/mẹ học sinh 2). Đây có thể là lý do khiến 32,1% các cha/mẹ chưa hài lòng với hình thức nhắn tin. Bên cạnh đó, một số cha/mẹ cũng cho rằng họ gặp một chút khó khăn khi đọc hiểu nội dung tin nhắn được viết không dấu.

Tuy nhiên, hình thức truyền thông qua tin nhắn điện thoại cũng đã bắt đầu được cha/mẹ học sinh đánh giá cao vì những ưu điểm vượt trội của nó như là họ có thể đọc bất cứ khi nào rảnh rỗi, hoặc thông tin qua tin nhắn thì cập nhật hơn và “tin nhắn có thể là truyền tải nội dung trọng tâm, ngắn gọn, dễ hiểu” (giáo viên chủ nhiệm lớp 1). Những điều này gợi ý rằng, chương trình nên thay đổi hình thức truyền tải thông tin có dấu qua tin nhắn điện thoại và sử dụng với tần suất hợp lý để phát huy đầy đủ tính hiệu quả của hình thức truyền thông này. Bên cạnh đó, chương trình nên tiếp tục duy trì hình thức nhắn tin bắt đầu tin nhắn bằng chữ [BV]

hoặc [BV Mắt Nghệ An] để đối tượng tránh nhầm lẫn với tin nhắn rác.

Mỗi phương pháp truyền thông đều có ưu điểm và nhược điểm riêng, để chương trình phát huy được hiệu quả tối đa, việc áp dụng phối hợp các hình thức can thiệp truyền thông là cần thiết. Đặc biệt, chương trình cần có kế hoạch để duy trì hiệu quả chương trình can thiệp truyền thông giáo dục sức khỏe, giúp đối tượng nâng cao kiến thức và thay đổi hành vi phòng chống tật khúc xạ cho trẻ và duy trì được hành vi tốt đó.

KẾT LUẬN

Đa số cha/mẹ học sinh hài lòng với các phương pháp truyền thông đã được triển khai trong thời gian can thiệp (89,2%). Trong đó, hình thức phát tờ rơi, sách nhỏ có tỷ lệ cha/mẹ hài lòng nhiều nhất với 91,8%, tiếp đó là hình thức truyền thông trực tiếp với 82,3% và thấp nhất là hình thức gửi tin nhắn qua điện thoại (67,9%). Cần điều chỉnh và áp dụng phối hợp các hình thức truyền thông để nâng cao hiệu quả can thiệp giúp phòng chống các tật khúc xạ cho học sinh.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Nguyễn Thanh Vân (2012). *Nghiên cứu đặc điểm lâm sàng và kết quả điều trị nhược thị do tật khúc xạ ở trẻ em* Luận án Tiến sĩ Y học, Đại học Y Hà Nội.
2. Cục Y tế Dự phòng - Bộ Y tế (2018). Kết quả hội thảo chia sẻ kinh nghiệm mô hình chăm sóc mắt học sinh, <<http://vncdc.gov.vn/vi/phong-chong-benh-khong-lay-nhiem/2352/ket-qua-hoi-thao-chia-se-kinh-nghiem-mo-hinh-cham-soc-mat-hoc-sinh>>, xem ngày 18/06/2020.
3. Himal Kandel, Jyoti Khadka, Michael Goggin et al (2017). Impact of refractive error on quality of life: a qualitative study, 45(7), 677-688.
4. Nguyễn Thị Minh Thái và Vũ Hoàng Lan (2010). Thực trạng cận thị học đường và một số yếu tố liên quan tại Trường Trung học cơ sở Phan Chu Trinh, quận Ba Đình, Hà Nội năm 2010. *Journal of Public Health*, 26(12.2012), 23-27.
5. A. S. Pai, J. J. Wang, C. Samarawickrama et al (2011). Prevalence and risk factors for visual impairment in preschool children the sydney paediatric eye disease study. *Ophthalmology*, 118(8), 1495-500.
6. Đỗ Thị Phương (2018). Tìm hiểu thực trạng thị lực và các yếu tố ảnh hưởng đến thị lực của học sinh Trường Trung học Cơ sở Phạm Hồng Thái, Thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai. *Tạp chí Giáo dục*, 19-23.
7. Hoàng Hữu Khôi (2017). Nghiên cứu tật khúc xạ và mô hình can thiệp ở học sinh trung

học cơ sở thành phố Đà Nẵng.

8. **Hoàng Ngọc Chương và Hoàng Hữu Khôi** (2012). “Nghiên cứu giải pháp phòng ngừa và triển khai thí điểm một số giải pháp can thiệp làm giảm nhẹ tật cận thị ở học sinh tiểu học và trung học cơ sở thành phố Đà Nẵng”, Đề tài khoa học cấp thành phố Đà Nẵng.

9. **Phạm Hồng Quang và Phạm Văn Tân** (2011). Cận thị ở học sinh và yếu tố ảnh hưởng tại bốn trường trung học cơ sở thành phố Bắc Ninh năm 2010. *Tạp chí Nghiên cứu Y học*, 73 (2), tr 112-116.

10. **Lê Thị Hải Năng** (2015). Thực trạng tật khúc xạ của học sinh trong lứa tuổi học đường (6-18 tuổi) khám tại phòng khám Bệnh viện Mắt Hà Nội năm 2015 và một số yếu tố liên quan. *Đề tài tốt nghiệp cử nhân, Trường Đại học Thăng*

Long, Hà Nội.

11. **Vũ Quang Dũng** (2008). Nghiên cứu thực trạng và một số giải pháp phòng ngừa cận thị ở học sinh khu vực trung du tỉnh Thái Nguyên. *Luận án Tiến sĩ Y học, Trường Đại học Y Dược - Đại học Thái Nguyên.*

12. **N. Congdon, L. Li, M. Zhang et al** (2011). Randomized, controlled trial of an educational intervention to promote spectacle use in rural China: The see well to learn well study. *Ophthalmology*, 118(12), 2343-50.

13. Chương trình Phòng chống mù lòa Quốc gia (2018). *Công tác phòng chống mù lòa năm 2018, phương hướng hoạt động tới năm 2020 và tầm nhìn 2030*, Kỷ yếu của Hội Nhân khoa Việt Nam năm 2017, Hà Nội, 11.

ĐÁNH GIÁ HIỆU QUẢ VỆ SINH RĂNG MIỆNG TRÊN BỆNH NHÂN NGƯỜI CAO TUỔI NĂM ĐIỀU TRỊ TẠI BỆNH VIỆN LÃO KHOA TRUNG ƯƠNG

NGUYỄN THỊ PHƯƠNG THẢO¹,
HÒ THỊ KIM THANH², NGUYỄN THỊ CHÂU²

¹Bệnh viện Đa khoa Gia Lâm

²Trường Đại học Y Hà Nội

TÓM TẮT

Mục tiêu: Nhằm đánh giá tình trạng vệ sinh răng miệng và hiệu quả của hệ thống vệ sinh răng miệng (VSRM) mới được cho là hữu ích cho người cao tuổi (NCT).

Đối tượng nghiên cứu: Nghiên cứu được thực hiện trên 120 bệnh nhân điều trị nội trú tại Bệnh viện Lão khoa Trung ương từ năm 2018-2019.

Phương pháp nghiên cứu: Nghiên cứu mô tả cắt ngang và nghiên cứu can thiệp có đối chứng trên hai nhóm là nhóm nghiên cứu và nhóm chứng nhằm đánh giá hiệu quả của hệ thống VSRM so với phương pháp dùng bàn chải thông thường.

Kết quả nghiên cứu: Chỉ số mảng bám răng (MBR) ở nam cao hơn ở nữ. Chỉ số mảng bám ở hàm trên cao hơn hàm dưới, sự khác biệt có ý nghĩa thống kê. Sau can thiệp tỉ lệ giảm

MBR ở mặt ngoài, mặt trong ở nhóm nghiên cứu cao hơn nhóm chứng sự khác biệt có ý nghĩa thống kê.

Từ khóa: Chỉ số mảng bám, người cao tuổi, Viện Lão khoa Trung ương, hệ thống vệ sinh răng miệng.

SUMMARY

Purpose of research: The study was conducted on 120 patients in National Geriatric Hospital in 2018-2019 to evaluate effective of the dental hygiene system that useful for the elderly.

Method of research: Descriptive cross-sectional study to evaluate the dental hygiene of 120 studied-patients. Controlled intervention study in 2 groups: the studied-group and the controlled-group. The study had purposed to compare effective of the dental hygiene system to the toothbrush.

Result and conclusions: Results showed that plaque index in upper jaw was larger than in lower jaw. After intervention, plaque index in outside, inside, upper jaw and lower jaw in the studied-group that lower than in the controlled-group. All in statistically significant differences.

Chịu trách nhiệm: Nguyễn Thị Phương Thảo

Email: nkthaotien@gmail.com

Ngày nhận 05/01/2021

Ngày phản biện: 04/02/2021

Ngày duyệt bài: 26/02/2021